

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch địa điểm kinh doanh Karaoke, vũ trường
trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, tầm nhìn 2030**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng;

Căn cứ Chỉ thị số 17/2005/CT-TTg ngày 25/5/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấn chỉnh các hoạt động tiêu cực trong quán bar nhà hàng karaoke, vũ trường;

Căn cứ Thông tư số 54/2006/TT-BVHTT ngày 24/5/2006 của Bộ Văn hóa-Thông tin hướng dẫn quy hoạch nhà hàng karaoke, vũ trường;

Căn cứ Thông tư số 69/2006/TT-BVHTT ngày 24/5/2006 của Bộ Văn hóa-Thông tin hướng dẫn thực hiện một số quy định về kinh doanh vũ trường, karaoke, trò chơi điện tử quy định tại quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng ban hành kèm theo nghị định số 11/2006/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 05/2009/QĐ-TTg ngày 13 tháng 01 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Giang đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2010 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Xét đề nghị của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 495/TTr-SVHTTDL ngày 12 tháng 6 năm 2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt “Quy hoạch địa điểm kinh doanh Karaoke, vũ trường trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, tầm nhìn 2030” bao gồm những nội dung sau:

I. Mục tiêu

- Từng bước đưa hoạt động karaoke, vũ trường đi vào khuôn khổ, nề nếp, thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về kinh doanh các hoạt động

văn hóa và dịch vụ văn hóa, loại bỏ dần các cơ sở kinh doanh lạc hậu, không đảm bảo chất lượng phục vụ hoạt động văn hóa theo quy định hiện hành. Đáp ứng nhu cầu về đời sống văn hóa, tinh thần của xã hội; tạo môi trường văn hóa lành mạnh phù hợp với xu hướng phát triển của xã hội trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế.

- Tạo điều kiện cho công tác quản lý Nhà nước thuận lợi, chặt chẽ, ngăn chặn kịp thời mọi hành vi lợi dụng kinh doanh dịch vụ văn hóa để làm ăn phi pháp, dẫn đến các tệ nạn xã hội, ảnh hưởng xấu đến môi trường văn hóa.

II. Đối tượng quy hoạch

- Các khách sạn, khu du lịch, khu vui chơi, giải trí, câu lạc bộ, nhà văn hóa, trung tâm văn hóa và các tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh karaoke, vũ trường.

- Hoạt động karaoke ở các hộ gia đình, các cơ quan hành chính nhà nước, tổ chức chính trị, xã hội và câu lạc bộ khiêu vũ phục vụ nội bộ không có mục đích kinh doanh không thuộc phạm vi điều chỉnh của quy hoạch này.

III. Yêu cầu

- Phù hợp với quy hoạch phát triển đô thị, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương từ nay đến năm 2012, trong đó chú trọng đến các yêu cầu giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống; nhu cầu phát triển du lịch; nhu cầu về đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân ở từng khu vực.

- Tăng cường quản lý Nhà nước, đẩy mạnh việc thanh tra, kiểm tra các hoạt động văn hóa để đảm bảo cho sự phát triển văn hóa theo đúng định hướng của Đảng và Nhà nước; đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn dân cư.

IV. Quy hoạch

1. Khu vực, tuyến đường được kinh doanh dịch vụ karaoke, vũ trường

- Là khu vực, tuyến đường thuộc quy hoạch đầu tư xây dựng các công trình văn hóa, vui chơi giải trí; khu vực sản xuất, kinh doanh và đảm bảo đủ điều kiện quy định tại Điều 24 và được cấp giấy phép kinh doanh quy định tại khoản 1 Điều 25 và Điều 30 của Quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng (*Ban hành kèm theo Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 của Chính phủ*).

2. Khu vực, tuyến đường hạn chế, không khuyến khích phát triển kinh doanh dịch vụ karaoke, vũ trường

- Là những khu vực, tuyến đường chỉ cho phép một số lượng nhất định cơ sở hoạt động kinh doanh karaoke, vũ trường, không được phát triển thêm.

- Bao gồm các khu vực, tuyến đường có các cơ quan, đơn vị làm việc và các khu vực sinh hoạt, nơi nghỉ ngơi, nơi thăm viếng, tưởng niệm cần sự yên tĩnh.

- Khu vực, tuyến đường thường tổ chức các hoạt động chính trị; nơi thường tổ chức các nghi lễ truyền thống của địa phương hoặc nơi đang có dự kiến xây

dựng trường học, bệnh viện, cơ sở tôn giáo, cơ quan Nhà nước theo quy hoạch phát triển đô thị của địa phương.

- Khu vực, tuyến đường không thuận tiện cho các hoạt động cấp cứu, phòng chống cháy nổ, thanh tra, kiểm tra.

- Là các khu vực, tuyến đường có quy hoạch và dự kiến quy hoạch xây dựng các công trình trọng điểm; các cơ quan, trường học, công trình tôn giáo, bệnh viện theo quy định tại Điều 24 và Điều 30 của Quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng (*Ban hành kèm theo Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 của Chính phủ*).

3. Số lượng cơ sở hoạt động karaoke, vũ trường được quy hoạch tầm nhìn đến 2030:

Thứ tự	Đơn vị hành chính	Karaoke		Vũ trường	
		Hiện có	Quy hoạch	Hiện có	Quy hoạch
1	Thành phố Bắc Giang	49	216	0	4
2	Huyện Lạng Giang	30	100	0	1
3	Huyện Lục Nam	32	105	0	0
4	Huyện Lục Ngạn	30	117	0	1
5	Huyện Sơn Động	18	78	0	0
6	Huyện Tân Yên	16	96	0	0
7	Huyện Yên Thế	24	93	0	0
8	Huyện Việt Yên	14	81	0	0
9	Huyện Hiệp Hòa	10	96	0	1
10	Huyện Yên Dũng	33	109	0	0

- Căn cứ vào điều kiện phát triển kinh tế xã hội, trình độ dân trí, mật độ dân cư và khả năng quản lý nhà nước về các dịch vụ văn hoá và dịch vụ Karaoke, vũ trường ở từng địa phương trong tỉnh. Phát triển các địa điểm kinh doanh karaoke, vũ trường trong toàn tỉnh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030, sẽ tập trung quy hoạch cụ thể như sau:

+ Phát triển số lượng cơ sở kinh doanh karaoke giai đoạn từ 2012 – 2015 trên toàn tỉnh là 506 cơ sở, giai đoạn 2016 – 2020 là 786 cơ sở; định hướng đến năm 2030 là 1.091 cơ sở.

+ Các địa điểm kinh doanh vũ trường giai đoạn 2012 – 2015 là 03 cơ sở; giai đoạn 2016 – 2020 là 04 cơ sở; định hướng đến năm 2030 là 7 cơ sở. Trong đó cụ thể như sau:

4. Quy hoạch các khu vực, tuyến đường kinh doanh karaoke, vũ trường tại các khu vực hành chính trong tỉnh

4.1. Thành phố Bắc Giang

a) Khu vực, tuyến đường được kinh doanh dịch vụ karaoke, vũ trường gồm:
(Các khu vực, tuyến đường ngoài quy định tại điểm b dưới đây)

- Khu vực các tuyến đường, khu phố nội thành gồm:

+ Đường Nguyễn Thị Lưu: Điểm đầu đường Hùng Vương đến điểm cuối đường Đào Sư Tích.

+ Đường Nguyễn Minh Khai: Điểm đầu đường Xương Giang đến điểm cuối đường Lê Lợi.

+ Đường Cả Trọng: Điểm đầu đường Hùng Vương đến điểm cuối đường Nguyễn Thị Minh Khai.

+ Đường Phồn Xương: Điểm đầu đường Lê Lợi đến điểm cuối đường Thanh Niên.

+ Đường Giáp Hải: Điểm đầu ngã ba Quán Thành đến điểm cuối Ngã ba Kề.

+ Đường Lê Hồng Phong: Điểm đầu đường Lý Tự Trọng đến điểm cuối đường Lê Trục.

+ Đường Lưu Nhân Chú: Điểm đầu đê Sông Thương đến điểm cuối đường Nguyễn Đình Chính.

+ Đường Nguyễn Công Hãng: Điểm đầu đường Vương Văn Trà đến điểm cuối đường Trần Nguyên Hãn .

+ Đường Hoàng Hoa Thám (389): Điểm đầu từ cầu Sông Thương đến điểm cuối km số 5 của tuyến đường này.

+ Đường 398: Điểm đầu ngã ba quốc lộ 1A cũ đến ngã tư quốc lộ 1A mới.

+ Đường quốc lộ 31(phố Cốc): Điểm đầu quốc lộ 1A mới đến điểm cuối thôn Bãi Ôi xã Đình Trì.

+ Tỉnh lộ 295 B: Điểm đầu cầu Mỹ Độ đến điểm cuối thôn Phố, xã Tân Mỹ .

+ Đường Nghĩa Long: Điểm đầu đường Nguyễn Văn Cừ đến điểm cuối đường Lê Lợi

+ Đường Thân Khuê: Điểm đầu từ bờ đê sông Thương đến điểm cuối đường 398

(Tính từ năm 2012 đến 2030 các khu vực này có 01 vũ trường và 161 điểm karaoke, có biểu chi tiết cho từng giai đoạn kèm theo)

- Khu đô thị phía Nam, khu đô thị phía Tây Nam và các xã: Đồng Sơn, Song Khê, Tân Tiến

(Tính từ năm 2012 đến 2030 các khu vực này có 03 vũ trường và 55 điểm karaoke, có biểu chi tiết cho từng giai đoạn kèm theo)

b) Khu vực, tuyến đường, khu phố hạn chế, không khuyến khích phát triển kinh doanh dịch vụ karaoke, vũ trường:

Bao gồm các tuyến đường phố sau: Hùng Vương, Lê Lợi, Nguyễn Văn Cừ, Ngô Gia Tự, Lý Thái Tổ, Hoàng Văn Thụ, Quang Trung, Huyền Quang, Thánh

Thiên, Vương Văn Trà, Trần Nguyên Hãn, Nguyễn Khắc Nhu, Nguyễn Thị Lưu (đoạn từ Quang Trung đến Hùng Vương), Nguyễn Văn Mẫn.

4.2. Huyện Lạng Giang

a) Khu vực, tuyến đường được kinh doanh dịch vụ karaoke, vũ trường Thị trấn Vôi gồm: Đường Nguyễn Trãi; đường Lê Lợi; đường Cầu Trạm và thôn Toàn Mỹ

b) Khu vực, tuyến đường được kinh doanh dịch vụ karaoke, vũ trường Thị trấn Kép gồm: Khu 1, khu 2, khu 3

(Tính từ năm 2012 đến 2030 các thị trấn này có 01 vũ trường và 22 điểm karaoke, có biểu chi tiết cho từng giai đoạn kèm theo)

c) Khu vực 21 xã còn lại của huyện gồm: Phi Mô, Mỹ Hà, Tân Dĩnh, An Hà, Nghĩa Hưng, Tân Thanh, Đào Mỹ, Dương Đức, Tiên Lục, Tân Hưng, Xuân Hương, Hương Lạc, Quang Thịnh, Mỹ Thái, Hương Sơn, Nghĩa Hòa, Xương Lâm, Đại Lâm, Thái Đào, Yên Mỹ và Tân Thịnh.

(Tính từ năm 2012 đến 2030 các thị trấn này có 78 điểm karaoke, có biểu chi tiết cho từng giai đoạn kèm theo)

4.3. Huyện Lục Nam

a) Khu vực, tuyến đường được kinh doanh dịch vụ karaoke Thị trấn Đồi Ngô gồm:

- Tuyến quốc lộ 31: điểm đầu từ ngã tư Thân, điểm cuối ngã tư Đồi Ngô

- Tuyến quốc lộ 37: điểm đầu từ ngã ba Chằm đến cuối thị trấn giáp với xã Khám Lạng

b) Khu vực, tuyến đường được kinh doanh dịch vụ karaoke Thị trấn Lục Nam gồm:

- Tuyến tỉnh lộ 293: điểm đầu bắt đầu từ cầu Lục Nam đến điểm cuối là ngã 3 Mả Rô

- Phố vườn hoa

(Tính từ năm 2012 đến 2030 các thị trấn này có 21 điểm karaoke, có biểu chi tiết cho từng giai đoạn kèm theo)

c) Khu vực 21 xã còn lại của huyện gồm: Lục Sơn; Bình Sơn; Trường Sơn; Vô Tranh; Nghĩa Phương; Trường Giang; Huyền Sơn; Bảo Sơn; Đông Hưng; Đông Phú; Đan Hội; Cẩm Lý; Vũ Xá; Bắc Lũng; Tam Dị; Khám Lạng; Tiên Hưng; Tiên Nha; Cương Sơn; Bảo Đài; Phương Sơn; Lan Mẫu; Thanh Lâm; Yên Sơn và Chu Điện.

(Tính từ năm 2012 đến 2030 các xã này có 84 điểm karaoke, có biểu chi tiết cho từng giai đoạn kèm theo)

4.4. Huyện Lục Ngạn

a) Khu vực, tuyến đường được kinh doanh dịch vụ karaoke, vũ trường Thị trấn Chũ gồm các khu sau:

- Khu Dốc Đồn, Minh Khai, Trường Chinh: điểm đầu từ khu Dốc Đồn đến điểm cuối khu Lê Hồng Phong.

- Khu Trần Phú, Lê Duẩn: điểm đầu từ khu Trần Phú đến điểm cuối khu Lê Duẩn.

(Tính từ năm 2012 đến 2030 các thị trấn này có 01 vũ trường và 20 điểm karaoke, có biểu chi tiết cho từng giai đoạn kèm theo)

b) Khu vực 29 xã còn lại của huyện gồm: Quý Sơn, Phượng Sơn, Trù Hựu, Kiên Lao, Kiên Thành, Nghĩa Hồ, Thanh Hải, Mỹ An, Nam Dương, Tân Mộc, Tân Lạp, Hồng Giang, Giáp Sơn, Tân Quang, Phi Điền, Tân Hoa, Đồng Cốc, Biền Động, Phú Nhuận, Đèo Gia, Biền Sơn, Phong Vân, Tân Sơn, Cẩm Sơn, Hộ Đáp, Sơn Hải, Phong Minh, Xa Lý, Kim Sơn.

(Tính từ năm 2012 đến 2030 các xã này có 97 điểm karaoke, có biểu chi tiết cho từng giai đoạn kèm theo)

4.5. Huyện Sơn Động

a) Khu vực, tuyến đường được kinh doanh dịch vụ karaoke Thị trấn An Châu gồm các khu sau: khu phố 1 và khu phố 5

b) Khu vực, tuyến đường được kinh doanh dịch vụ karaoke Thị trấn Thanh Sơn gồm khu thôn Nòn bắt đầu từ ngã 3 thị trấn đến điểm cuối giáp Đồng Thông.

(Tính từ năm 2012 đến 2030 các thị trấn này có 16 điểm karaoke, có biểu chi tiết cho từng giai đoạn kèm theo)

c) Khu vực 21 xã còn lại của huyện gồm: An Châu, Long Sơn, Yên Định, Quế Sơn, Lệ Viễn, Hữu Sản, Vân Sơn, An Lập, Cẩm Đàn, Giáo Liêm, Tuấn Mậu, Dương Hưu, Thạch Sơn, Phúc Thắng, An Lạc, Thanh Luận, Tuấn Đạo, Vĩnh Khương, Chiên Sơn, Bồng Am và An Bá.

(Tính từ năm 2012 đến 2030 các xã này có 62 điểm karaoke, có biểu chi tiết cho từng giai đoạn kèm theo)

4.6. Huyện Tân Yên

a) Khu vực, tuyến đường được kinh doanh dịch vụ karaoke Thị trấn Cao Thượng gồm các khu sau:

- Phố Hoàng Hoa Thám: điểm đầu từ bưu điện huyện đến điểm cuối khu Đình Giã.

- Khu Đồi Đỏ: điểm đầu từ Trung tâm thương mại Đào Dương đến điểm cuối khu công nghiệp của huyện giáp với xã Cao Thượng.

- Phố Mới: điểm đầu từ Trung tâm Thương mại của huyện đến điểm cuối giáp Cầu Ngô Xá.

- Phố Ngô Xá: điểm đầu từ Đội Quản lý thị trường số 9 của huyện đến điểm cuối UBND xã Cao Xá.

b) Khu vực, tuyến đường được kinh doanh dịch vụ karaoke Thị trấn Nhã Nam gồm các khu sau:

- Phố Tân Quang: điểm đầu từ Trung tâm Thương Mại đến điểm cuối Khu Công nghiệp.

- Phố Tân Hoa: điểm đầu từ hiệu sách đến điểm cuối giáp địa phận Tân Trung.

- Phố Lao Động: điểm đầu từ Trung tâm thương mại đến điểm cuối giáp địa phận xã Nhã Nam

(Tính từ năm 2012 đến 2030 hai thị trấn có 28 điểm karaoke, có biểu chi tiết cho từng giai đoạn kèm theo)

c) Khu vực 22 xã còn lại của huyện gồm: Lam Cốt, Việt Ngọc, Ngọc Thiện, Ngọc Châu, Quế Nham, Nhã Nam, Tân Trung, Cao Xá, Phúc Sơn, Lan Giới, An Dương, Ngọc Lý, Ngọc Vân, Việt Lập, Song Vân, Phúc Hòa, Hợp Đức, Quang Tiến, Cao Thượng, Liên Chung, Đại Hóa và Liên Sơn.

(Tính từ năm 2012 đến 2030 các xã này có 68 điểm karaoke, có biểu chi tiết cho từng giai đoạn kèm theo)

4.7. Huyện Yên Thế

a) Khu vực, tuyến đường được kinh doanh dịch vụ karaoke Thị trấn Cầu Gồ gồm các khu sau:

- Phố Bà Ba: điểm đầu từ trường Trung cấp nghề Miền núi Yên Thế đến điểm cuối giáp phố Cả Dinh.

- Phố Cả Trọng: điểm đầu từ khách sạn Cầu Vòng đến điểm cuối Trường THPT Yên Thế.

- Phố Đè Nấm: điểm đầu từ Chi cục thuế huyện đến điểm cuối Hạt kiểm lâm huyện.

- Phố Hoàng Hoa Thám: điểm đầu từ Trung tâm viễn thông huyện đến điểm cuối chợ Cầu Gồ.

- Phố Cả Dinh: điểm đầu từ hồ xóm Chung đến điểm cuối giáp xã Tân Hiệp.

b) Khu vực, tuyến đường được kinh doanh dịch vụ karaoke Thị trấn Bó Hạ gồm các khu sau:

- Phố Thống Nhất: điểm đầu từ đồn Công an thị trấn đến điểm cuối giáp cây xăng ngã 3 Phương Đông.

- Phố Gia Lâm: điểm đầu từ cửa hàng Dược đến điểm cuối giáp Kho gạo.

- Phố Hòa Bình: điểm đầu từ Trụ sở UBND thị trấn Bó Hạ đến điểm cuối chợ Bó Hạ cũ.

- Phố Tân Tiến: điểm đầu từ bãi đỗ xe ô tô đến điểm cuối đền Bến Nhãn.

(Tính từ năm 2012 đến 2030 hai thị trấn có 32 điểm karaoke, có biểu chi tiết cho từng giai đoạn kèm theo)

c) Khu vực 19 xã còn lại của huyện gồm: Tân Sỏi, Bó Hạ, Đông Sơn, Đồng Hưu, Tam Tiến, Xuân Lương, Tiến Thắng, Phồn Xương, Tam Hiệp, Đồng

Tâm, Canh Nậu, Đồng Tiên, Đồng Vương, Tân Hiệp, An Thượng, Đồng Lạc, Hồng Kỳ, Hương Vĩ và Đồng Kỳ.

(Tính từ năm 2012 đến 2030 các xã này có 61 điểm karaoke, có biểu chi tiết cho từng giai đoạn kèm theo)

4.8. Huyện Việt Yên

a) Khu vực, tuyến đường được kinh doanh dịch vụ karaoke Thị trấn Bích Động gồm các khu sau:

- Đường Hoàng Hoa Thám: điểm đầu từ Tăng Quang đến điểm cuối Công ty cổ phần gạch Tân Xuyên.

- Đường Thân Nhân Trung: điểm đầu từ Dục Quang đến điểm cuối Trường Đại học Nông Lâm.

b) Khu vực, tuyến đường được kinh doanh dịch vụ karaoke Thị trấn Nénh gồm các khu sau:

- Đường Thân Công Tài: điểm đầu từ Phúc Lâm đến điểm cuối phố Nénh

(Tính từ năm 2012 đến 2030 hai thị trấn có 27 điểm karaoke, có biểu chi tiết cho từng giai đoạn kèm theo)

c) Khu vực 17 xã còn lại của huyện gồm: Việt Tiên, Hoàng Ninh, Quang Châu, Hồng Thái, Bích Sơn, Tự Lạn, Thượng Lan, Hương Mai, Trung Sơn, Tiên Sơn, Quảng Minh, Vân Hà, Ninh Sơn, Vân Trung, Nghĩa Trung, Tăng Tiến và Minh Đức.

(Tính từ năm 2012 đến 2030 các xã này có 54 điểm karaoke, có biểu chi tiết cho từng giai đoạn kèm theo)

4.9. Huyện Hiệp Hoà

a) Khu vực, tuyến đường được kinh doanh dịch vụ karaoke Thị trấn Thắng gồm các khu sau:

- Đường 19/5: điểm đầu từ Tượng đài đến điểm cuối ngã tư Biển.

- Đường Quang Trung: điểm đầu từ Tượng đài đến điểm cuối Khu 1.

- Đường Trường Chinh: điểm đầu từ Tượng đài đến điểm cuối dốc Ba Hàng.

- Đường Hoàng Văn Thái: điểm đầu từ dốc Tràng Than đến điểm cuối dốc Ba Hàng.

- Đường 675: điểm đầu nối đường Hoàng Văn Thái với đường Quang Trung.

- Đường Lý Thường Kiệt: điểm đầu từ Tượng đài đến điểm cuối giáp thôn Dinh Hương..

(Tính từ năm 2012 đến 2030 thị trấn có 01 vũ trường và 21 điểm karaoke, có biểu chi tiết cho từng giai đoạn kèm theo)

b) Khu vực 25 xã còn lại của huyện gồm: Thanh Vân, Hoàng An, Ngọc Sơn, Lương Phong, Đức Thắng, Danh Thắng, Bắc Lý, Hương Lâm, Châu Minh,

Mai Đình, Thường Thắng, Hùng Sơn, Mai Trung, Hợp Thịnh, Hợp Thịnh, Đồng Tân, Hoàng Lương, Hoàng Vân, Hoàng Thanh, Đoan Bái, Đông Lễ, Thái Sơn, Hòa Sơn, Đại Thành, Quang Minh và Xuân Cẩm.

(Tính từ năm 2012 đến 2030 các xã này có 75 điểm karaoke, có biểu chi tiết cho từng giai đoạn kèm theo)

4.10. Huyện Yên Dũng

a) Khu vực, tuyến đường được kinh doanh dịch vụ karaoke Thị trấn Neo gồm các khu sau: Tiểu khu 1, Tiểu khu 2, Tiểu khu 3, Tiểu khu 4, Tiểu khu 5 và Tiểu khu 6.

b) Khu vực, tuyến đường được kinh doanh dịch vụ karaoke Thị trấn Tân Dân gồm các khu sau:

- Tổ dân phố Tân Dân, Tổ dân phố Quán Trắng, Tổ dân phố Thượng, Tổ dân phố Trung 1, Tổ dân phố Trung 2, Tổ dân phố Hương, Tổ dân phố Long Trì 1, Tổ dân phố Long Trì 2.

(Tính từ năm 2012 đến 2030 hai thị trấn có 44 điểm karaoke, có biểu chi tiết cho từng giai đoạn kèm theo)

b) Khu vực 19 xã còn lại của huyện gồm: Tân An, Quỳnh Sơn, Lãng Sơn, Trí Yên, Lão Hộ, Hương Gián, Xuân Phú, Nội Hoàng, Tiền Phong, Tân Lư, Nham Sơn, Thắng Cương, Tư Mại, Cảnh Thụy, Tiến Dũng, Đức Giang, Đồng Việt, Đồng Phúc, và Tân Liễu.

(Tính từ năm 2012 đến 2030 các xã này có 65 điểm karaoke, có biểu chi tiết cho từng giai đoạn kèm theo)

5. Những quy định về thủ tục cấp phép kinh doanh karaoke, vũ trường

5.1. Thủ tục, hồ sơ, mẫu đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh karaoke, vũ trường thực hiện theo Điều 25 và Điều 31 của Quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng (*Ban hành kèm theo Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 của Chính phủ*).

5.2. Những cơ sở kinh doanh có từ hai phòng karaoke trở lên phải lập sơ đồ mặt bằng kinh doanh, ghi ký hiệu riêng từng phòng; sau khi được Phòng Văn hóa và Thông tin thẩm định và xác nhận rõ đồng ý đề nghị cấp phép, chủ cơ sở phải thực hiện niêm yết sơ đồ phòng tại nơi tiếp đón của địa điểm kinh doanh karaoke.

Điều 2. Quy định trách nhiệm thực hiện Quy hoạch karaoke, vũ trường trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 như sau:

1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố triển khai và kiểm tra việc thực hiện Quy hoạch karaoke, vũ trường trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; kiểm tra việc chấp hành pháp luật về quản lý văn hóa; xác minh và giải quyết các

khieu nại, tố cáo theo thẩm quyền. Có trách nhiệm thu hồi giấy phép của các cơ sở kinh doanh vi phạm theo quy định hiện hành.

b) Phổ biến Quy hoạch này đến Phòng Văn hóa và Thông tin các huyện, thành phố, các tổ chức, cá nhân có kinh doanh karaoke.

c) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện việc gia hạn và cấp đổi giấy phép karaoke cho các cơ sở kinh doanh phù hợp theo điều kiện quy định tại Điều 25 và Điều 31 của Quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng (*Ban hành kèm theo Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 của Chính phủ*).

d) Tổng hợp, nghiên cứu, đề xuất xây dựng Quy hoạch cho những năm tiếp theo phù hợp với tình hình thực tế.

2. Sở Kế hoạch - Đầu tư

Hướng dẫn và thực hiện các thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho các cơ sở kinh doanh karaoke, vũ trường theo quy định của pháp luật và quy hoạch của địa phương đã được phê duyệt tại Quyết định này.

3. Sở Khoa học và Công nghệ

Phối hợp với Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch hướng dẫn các tổ chức, cá nhân kinh doanh Karaoke, vũ trường áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, sử dụng công nghệ về cường độ âm thanh, ánh sáng do nhà nước ban hành; phối hợp kiểm tra, thanh tra về các nội dung này.

4. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội

Phối hợp với Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch và Công an tỉnh quản lý lao động ở các cơ sở kinh doanh Karaoke, vũ trường trong toàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

5. Sở Xây dựng

Phối hợp với Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch trong việc xây dựng, điều chỉnh quy hoạch phát triển đô thị gắn với quy hoạch các cơ sở hoạt động Karaoke phù hợp. Đối với các khu đô thị mới cần có quy hoạch khu vực dành riêng cho việc kinh doanh Karaoke, vũ trường đảm bảo các yếu tố phục vụ cho việc kinh doanh của loại hình này (địa điểm đỗ xe hợp lý, giao thông, cách âm, cơ sở hạ tầng...).

6. Sở Tài nguyên và Môi trường

Phối hợp với Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, UBND các huyện, thành phố xây dựng, điều chỉnh quy hoạch đất, dành cho khu vui chơi giải trí ở cơ sở trên địa bàn toàn tỉnh.

7. Công an tỉnh

Phối hợp với Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch triển khai nội dung Quy hoạch Karaoke, vũ trường. Chỉ đạo lực lượng công an từ tỉnh đến cơ sở tăng

cường công tác nắm tình hình, công tác kiểm tra, phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo quy định của pháp luật. Thực hiện tốt chương trình phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội, quản lý hộ tịch, hộ khẩu trong các cơ sở kinh doanh Karaoke, vũ trường.

8. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể

Phối hợp với các cấp chính quyền trong công tác tuyên truyền xây dựng và nâng cao ý thức của người dân trong việc chấp hành quy định của pháp luật đối với loại hình kinh doanh có tính chất đặc thù trên lĩnh vực văn hóa; góp phần xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý của các cấp chính quyền, các cơ quan chức năng, kịp thời có ý kiến đối với các biểu hiện vi phạm. Nâng cao vai trò giám sát của mình đối với loại hình hoạt động văn hoá mang tính đặc thù.

9. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

a) Căn cứ quy hoạch karaoke, vũ trường của tỉnh để điều chỉnh Quy hoạch karaoke, vũ trường của cấp mình cho phù hợp. Không quy hoạch các điểm hoạt động karaoke, vũ trường tại các tuyến đường, không đảm bảo đủ điều kiện quy định tại Điều 24 và Điều 30 của Quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng (*Ban hành kèm theo Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 của Chính phủ*).

b) Định kỳ hàng năm đánh giá tình hình thực hiện Quy hoạch tại địa phương, đề xuất ý kiến bổ sung, xây dựng Quy hoạch, gửi về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để có cơ sở chỉ đạo bổ sung và xây dựng Quy hoạch cho những năm tiếp theo.

c) Chỉ đạo các cơ quan chức năng cấp huyện hướng dẫn các tổ chức, cá nhân có nhu cầu xin cấp phép kinh doanh hoạt động karaoke, vũ trường thực hiện các thủ tục cấp phép theo quy định; chỉ đạo thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính trong hoạt động kinh doanh karaoke, vũ trường theo thẩm quyền.

10. Các cơ sở kinh doanh karaoke, vũ trường đã được cấp Giấy phép kinh doanh trước ngày Quyết định này có hiệu lực mà không phù hợp với Quy hoạch đã được phê duyệt tại Quyết định này, được tiếp tục kinh doanh với điều kiện phải được Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đồng ý gia hạn giấy phép; thời gian gia hạn giấy phép mỗi năm một lần nhưng không quá tháng 12 năm 2015, được ưu tiên cấp phép chuyển vị trí quy hoạch (nếu có nhu cầu).

- Những cơ sở kinh doanh Karaoke, vũ trường nằm trong khu vực quy hoạch, hoạt động không có giấy phép yêu cầu phải dừng hoạt động. Những cơ sở kinh doanh Karaoke, vũ trường nằm trong khu vực quy hoạch, đã có giấy phép, nhưng không đủ những điều kiện hoạt động phải dừng hoạt động. Nếu có nhu cầu tiếp tục hoạt động phải thực hiện đúng nội dung của quy hoạch này và quy định của pháp luật hiện hành.

11. Các khách sạn một sao trở lên hoạt động kinh doanh dịch vụ karaoke, vũ trường theo Luật Du lịch và Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009

của Chính phủ về việc ban hành Quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng.

12. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân cần phản ánh kịp thời về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và ban, ngành liên quan để xem xét giải quyết.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các đơn vị liên quan và chủ các cơ sở kinh doanh karaoke, vũ trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 3;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP, TKCT, TTH-CB;
- Lưu: VX(3), VT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH


Nguyễn Văn Linh